

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 175/2025/HS-ST
Ngày: 24-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Thúy Hào

2. Ông Đặng Song Hoàn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 155/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2025; đối với bị cáo:

Lê Hải L, sinh năm 1988 tại thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: B N, phường B, Thành phố Hà Nội; nơi ở hiện tại: Căn hộ S Chung cư O, số A V, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê L1, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1954; có vợ là Ngô Bảo N, sinh năm 1993 và 02 con, con lớn sinh năm 2018 và con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27-8-2025; hiện bị cáo đang cư trú tại phường V, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Vũ Anh T, sinh năm 1973 – Luật sư Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà G, số A Đ, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Đặng Đức H1, sinh năm 1981; nơi cư trú: D đường B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an Thành phố H (*có mặt*).

- **Người làm chứng:** Bà Lê Thu T1, sinh năm 1968; nơi cư trú: Căn hộ S Chung cư O, số A V, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh (*có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2023, Lê Hải L tố cáo Đặng Đức H1 có hành vi đưa ra các thông tin gian dối về việc làm thủ tục đáo hạn Ngân hàng (là hoạt động hỗ trợ cho khách hàng vay mượn tiền trả nợ các khoản vay cho Ngân hàng khi đến kỳ hạn để gia hạn khoản vay hoặc tạo khoản vay mới), tạo lòng tin để L cho H1 vay số tiền 10.500.000.000đ, nhận được tiền H1 đã chiếm đoạt và bỏ trốn. Kết quả xác minh tố giác về tội phạm của L, ngày 15-01-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC01) Công an tỉnh B (cũ) ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Đặng Đức H1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, quá trình điều tra vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với H1 về tội “Rửa tiền” theo quy định tại khoản 3 Điều 324 Bộ luật Hình sự. Hiện nay, vụ án đang được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết. Quá trình bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an Thành phố H để điều tra, ngày 30-7-2024, Đặng Đức H1 đã làm đơn tố giác hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” của Lê Hải L gửi Cơ quan Công an. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V (cũ) thụ lý giải quyết nguồn tin về tội phạm theo thẩm quyền. Kết quả xác minh xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” để điều tra theo quy định.

Kết quả điều tra vụ án xác định, vào năm 2019, Lê Hải L vào thành phố V sống và làm việc, thông qua các mối quan hệ L quen biết Đặng Đức H1. Quá trình chơi chung cả hai nhiều lần góp vốn làm ăn kinh doanh bất động sản, làm đáo hạn Ngân hàng và các công việc kinh doanh khác. Do H1 sinh sống kinh doanh ở thành phố V lâu năm nên có nhiều mối quan hệ làm ăn, khi có bất động sản đầu tư sinh lời hoặc khách hàng có nhu cầu vay tiền đáo hạn Ngân hàng, nhận thấy có lợi nhuận cao, ít rủi ro, H1 rủ L góp vốn làm ăn cùng. Toàn bộ việc mua bán, chuyển nhượng bất động sản, cho khách hàng vay tiền đáo hạn Ngân hàng do H1 thỏa thuận và quyết định, L chỉ là người góp vốn, sau khi đầu tư thành công, H1 tự tính toán và chia lại lợi nhuận cho L.

Bên cạnh việc góp vốn làm ăn với H1, L còn nhiều lần cho H1 mượn tiền để đầu tư kinh doanh, tuy nhiên căn cứ kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H chỉ đủ cơ sở kết luận L cho H1 vay 01 lần với số tiền là 1.100.000.000đ vào ngày 23-7-2020, cụ thể trong lần vay này L sử dụng tài khoản Ngân hàng TMCP K Chi nhánh V (T2), số tài khoản 19021768811014, chủ tài khoản Lê Hải L chuyển vào tài khoản Ngân hàng TMCP Á (A) số tài khoản 32667788 do Đặng Đức H1 làm chủ tài khoản 04 giao dịch, như sau:

- Giao dịch 01: Vào lúc 08 giờ 32 phút, ngày 23-7-2020, L chuyển cho H1 số tiền 300.000.000đ, mã giao dịch FT20205160043040, nội dung giao dịch là “1.1 ty dot 1”.

- Giao dịch 02: Vào lúc 08 giờ 33 phút, ngày 23-7-2020, L chuyển cho H1 số tiền 300.000.000đ, mã giao dịch FT20205009900000, nội dung giao dịch là “1.1 ty dot 2”.

- Giao dịch 03: Vào lúc 08 giờ 34 phút, ngày 23-7-2020, L chuyển cho H1 số tiền 300.000.000đ, mã giao dịch FT202050003756, nội dung giao dịch là “1.1 ty dot 3”.

- Giao dịch 04: Vào lúc 08 giờ 34 phút, ngày 23-7-2020, L chuyển cho H1 số tiền 200.000.000đ, mã giao dịch FT20205015265904, nội dung giao dịch là “1.1 ty dot 4”.

Sau khi chuyển tiền cho H1 vay, vào lúc 08 giờ 59 phút ngày 29-8-2020, L sử dụng tài khoản tên Z do H1 đặt “Boss Mason L2” nhắn tin vào tài khoản Zalo của H1 tên “Đăng H1” tính tiền lãi vay với nội dung “*Lãi 36 ngày x 1, tỷ 100 x 0'3%=118,800,000*”. Sau đó, L2 nhờ H1 chuyển tiền gốc cho vay 1.100.000.000đ và số tiền lãi 119.00.000đ vào tài khoản Ngân hàng TMCP S (S1) số tài khoản 050062471295, chủ tài khoản là bà Lê Thu T1 (là mẹ vợ của L2) 05 giao dịch, như sau:

- Giao dịch 01: Vào lúc 14 giờ 50 phút 13 giây, ngày 28-8-2020 H1 chuyển số tiền 300.000.000đ vào tài khoản của bà T1, mã giao dịch là FT20241BVVF6, nội dung giao dịch “*null LAN 1*”;

- Giao dịch 02: Vào lúc 14 giờ 50 phút 55 giây, ngày 28-8-2020 H1 chuyển số tiền 300.000.000đ vào tài khoản của bà T1, mã giao dịch là FT20242T4DXX, nội dung giao dịch “*null LAN 2*”;

- Giao dịch 03: Vào lúc 14 giờ 52 phút 02 giây, ngày 28-8-2020 H1 chuyển số tiền 300.000.000đ vào tài khoản của bà T1, mã giao dịch là FT20241C8MVP, nội dung giao dịch “*null LAN 3*”;

- Giao dịch 04: Vào lúc 14 giờ 52 phút 43 giây, ngày 28-8-2020 H1 chuyển số tiền 200.000.000đ vào tài khoản của bà T1, mã giao dịch là FT202416XX68, nội dung giao dịch “*null LAN 4*”;

- Giao dịch 05: Vào lúc 09 giờ 03 phút 04 giây, ngày 29-8-2020, H1 chuyển số tiền 119.000.000đ vào tài khoản của bà T1, mã giao dịch là FT202416XX68, nội dung giao dịch “*null LAN 4*”.

Như vậy, khoản vay này L2 cho H1 vay số tiền 1.100.000.000đ vào ngày 23-7-2020, với thời hạn 36 ngày, lãi suất 3000đ/1.000.000đ/ngày, số tiền lãi thực tế L2 nhận được là 119.000.000đ. Căn cứ lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%, tương đương với số tiền 21.698.630đ. Như vậy, L2 cho H1 vay với lãi suất cao gấp 5,475 lần lãi suất cao nhất quy định, thu lợi bất chính số tiền 97.301.370đ.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Hải L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Ngày 29-10-2025, L đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền 97.301.370đ thu lợi bất chính vào Ngân sách nhà nước.

Vật chứng thu giữ và xử lý: Không.

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKS-KV11 ngày 30-10-2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Hải L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Hải L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

+ Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt tiền đối với bị cáo Lê Hải L từ 150.000.000đ đến 180.000.000đ.

+ Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước đối với số tiền bị cáo dùng để cho vay trong vụ án là 1.100.000.000đ và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 21.698.630đ và số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu của người vay là 97.301.370đ.

+ Về xử lý vật chứng: Không.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Hải L thống nhất với nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo L mục đích ban đầu không phải cho vay lãi nặng nhưng do quá trình làm ăn, H1 có tự đề xuất về tiền lời nên bị cáo L mới đưa ra mức lãi suất vượt quá lãi suất quy định. Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai tự nguyện rút đơn tố cáo và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L. Xét thấy, bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đề xuất phạt tiền của đại diện Viện kiểm sát; tuy nhiên đề nghị giảm nhẹ hình phạt ở mức phạt tiền từ 100.000.000đ đến 120.000.000đ. Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, luận tội; người bào chữa giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại bài bào chữa.

- Bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội và đồng ý với ý kiến tranh luận của người bào chữa. Nói lời sau cùng bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 23-7-2020, Lê Hải L cho Đặng Đức H1 vay số tiền 1.100.000.000đ, thời hạn 36 ngày với lãi suất 3000đ/1.000.000đ/ngày, số tiền lãi thực tế L nhận được là 119.000.000đ. Căn cứ lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%, tương đương với số tiền 21.698.630đ. Như vậy, L cho H1 vay tiền với lãi suất cao gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Bộ luật Dân sự, L thu lợi bất chính số tiền 97.301.370đ.

Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Hải L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo hiểu rõ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền bất chính nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú, làm việc rõ ràng, ổn định; do vậy, cần xem xét áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên trong vụ án này bị cáo thu lợi bất chính số tiền 97.301.370đ; do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mức phạt tiền như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:

[6.1] Đối với số tiền bị cáo dùng để cho vay trong vụ án là 1.100.000.000đ và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo

đã thu của người vay là 21.698.630đ; căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu là 97.301.370đ, do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu trả lại nên căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[7] Các nội dung có liên quan khác:

[7.1] Đối với 05 khoản vay theo lời khai ban đầu của Đặng Đức H1 gồm: Khoản vay vào ngày 10-8-2020 với số tiền 1.300.000.000đ; khoản vay vào ngày 26-8-2020 với số tiền 1.700.000.000đ; khoản vay vào ngày 09-9-2020 với số tiền 2.300.000.000đ; khoản vay vào ngày 28-9-2020 với số tiền 2.800.000.000đ; khoản vay vào ngày 09-10-2020 với số tiền 3.200.000.000đ. Kết quả điều tra của Cơ quan điều tra chưa đủ cơ sở để xác định 05 khoản vay trên có sự thỏa thuận về lãi suất và mức lãi suất vượt quá lãi suất quy định. Do vậy, cơ quan điều tra cần tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có căn cứ thì xử lý theo quy định pháp luật.

[7.2] Đối với hành vi của bà Lê Thu T1, kết quả điều tra xác định bà T1 không biết, không liên quan đến việc vay mượn giữa H1 và L, việc H1 chuyển số tiền 1.100.000.000đ tiền vay và số tiền 119.000.000đ tiền lãi phát sinh từ khoản vay ngày 23-7-2020 của L là tiền bà T1 mượn của L và L nhờ H1 chuyển đến tài khoản của bà T1. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[7.3] Đối với việc Đặng Đức H1 và Lê Hải L khai nhận đầu tư góp vốn làm đảo hạn ngân hàng, kết quả điều tra không làm rõ được người vay, số tiền cho vay, lãi suất. Do vậy, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có căn cứ thì xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hải L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Lê Hải L số tiền 150.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước.

2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Hải L.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước đối với số tiền bị cáo dùng để cho vay là 1.100.000.000đ (*Một tỷ, một trăm triệu đồng*) và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao

nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 21.698.630đ (Hai mươi một triệu, sáu trăm chín mươi tám ngàn, sáu trăm ba mươi đồng).

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước đối với số tiền thu lợi bất chính là 97.301.370đ (Chín mươi bảy triệu, ba trăm lẻ một ngàn, ba trăm bảy mươi đồng).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- CQ THAHS Công an TPHCM;
- Trại tạm giam số 01-Công an TPHCM;
- Phòng PV06, PC10-Công an TPHCM;
- VKSND KV11-TPHCM;
- Phòng THADS KV11-TPHCM;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Hồ Hạnh Nguyên